

Bản án số: 14/2020/HSST

Ngày: 17-01-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Thị Nhung

2/ Bà Trần Quang Cảnh

Thư ký Tòa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Thắng – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 163/2019/HSST ngày 02 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HS ngày 03/01/2020 đối với bị cáo:

1. Hồ Thị Cẩm T; sinh năm 1992; tại Đồng Nai; giới tính: Nữ; Thường trú: 1/6 Phạm Quý Thích, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh; chỗ ở: như trên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: nội trợ; con ông Hồ Văn Tài và bà Bùi Thị Ánh Tuyền, có chồng Trần Văn Toàn và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ nhất 2016, Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú- Có mặt.

2. Nguyễn Thị Phương K; sinh năm 1972; tại Tp. Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; Thường trú: 922/11 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh; chỗ ở: như trên; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: nhân viên môi giới BDS; con ông Nguyễn Văn Xê, sinh năm 1945 và bà Võ Thị Hậu, sinh 1954, có chồng và 03 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ nhất 2003, Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú- Có mặt.

3. Nguyễn Hồng V; sinh năm 1990; tại Tp. Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; Thường trú: 241 Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh; chỗ ở: 1/29 Phạm Quý Thích, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: nội trợ; con ông Nguyễn Văn Hưng và bà Nguyễn Ngọc Hồng, có chồng và 03 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ nhất 2017.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú- Có mặt.

4. Nguyễn Thị L; sinh năm 1961; tại Campuchia; giới tính: Nữ; Thường trú: 233 Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh; chỗ ở: như trên; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: uốn tóc; con ông Nguyễn Văn Phi, sinh năm 1939(liệt nữa người) và bà Văn Thị Xanh, sinh 1940, có chồng và 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ nhất 1994.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú- Có mặt.

5. Trần Kim T; sinh năm 1975; tại Tp. Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; Thường trú: 1/6/3 Phạm Quý Thích, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh; chỗ ở: như trên; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: nhận hàng gắn phụ kiện quần áo; con ông Trần Văn Thật (chết) và bà Nguyễn Thị Hợi(chết), có chồng và 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ nhất 2007.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú- Có mặt.

6. Trần Thị N; sinh năm 1962; tại Tp. Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; Thường trú: 8/27 Phạm Quý Thích, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh; chỗ ở: như trên; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: làm Tê gắn phụ kiện quần áo; con ông Trần Văn Thật(chết) và bà Nguyễn Thị Hợi(chết), có chồng Châu Văn Hùng (đã ly hôn) và 03 con, con lớn sinh năm 1992 con nhỏ sinh 1996.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú- Có mặt.

7. Trần Thị T; sinh năm 1972; tại Tp. Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; Thường trú: 1/6C Phạm Quý Thích, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh; chỗ ở: như trên; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Thiên

chúa; nghề nghiệp: làm Tê việc nhà; con ông Trần Văn Thật (chết) và bà Nguyễn Thị Hợi(chết), có chồng và con chưa có.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú- Có mặt.

8. Trần Kim T; sinh năm 1951; tại Tp. Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; Thường trú: 1/2/5 Phạm Quý Thích, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh; chỗ ở: 1/6C Phạm Quý Thích, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: nội trợ; con ông Trần Văn Thật (chết) và bà Nguyễn Thị Hợi(chết), có chồng và con chưa có.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú- Có mặt.

9. Trần Kim L; sinh năm 1970; tại Tp. Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; Thường trú: 1/2/5A Phạm Quý Thích, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh; chỗ ở: như trên; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: phụ việc nhà; con ông Trần Văn Thật (chết) và bà Nguyễn Thị Hợi(chết), có chồng Nguyễn Văn Phước và 01 con sinh 1992.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú- Có mặt.

10. Lý Thị H; sinh năm 1982; tại Tp. Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; Thường trú: Thôn 17, xã Đắc Rông, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở: 97/1D Lê Thị Lơ, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: bán quần áo; con ông Lý Văn Láng (chết) và bà H Thị Cồn, có chồng và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ nhất 2018.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú- Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan:

Bà Nguyễn Ngọc H (vắng mặt)

Chỗ ở: 1/29 Phạm Quý T, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 48 ngày 06/3/2019, Nguyễn Thị Phương K, Trần Kim T, Nguyễn Thị L, Trần Kim T, Trần Thị N, Trần Kim L, Lý Thị H, Trần Thị T, Nguyễn Hồng V (Trần Kim T, Trần Thị T, Trần Kim T, Trần Thị N, Trần Kim

L là chị em ruột, Hồ Thị Cẩm T là cháu dâu) còn lại là hàng xóm, sau khi cầu nguyện (ngày lễ Tro bên đạo Thiên chúa ngày 6/3) vừa qua tết âm lịch nên rủ nhau đánh bài xì dách ăn tiền tại nhà của Hồ Thị Cẩm T số 1/6 Phạm Quý Thích, phường Tân Quý, quận Tân Phú. Tại đây, T lấy một cái đĩa để đựng bài, một bộ bài tây 52 lá, cùng tấm nệm dài 1,5 mét x 2 mét. Sau đó mọi người chơi với hình thức: Nguyễn Thị Phương K làm cái, K sẽ chia cho mỗi tụ hai lá bài để tính điểm, số điểm cho phép là 16 đến 21 điểm, nếu bốc được 5 lá với tổng số điểm dưới 21 thì gọi là ngũ linh, nếu có một lá xì và một lá từ mười trở lên thì gọi là xì dách. Người chơi sẽ so điểm với K để tính thắng Ta, tỷ lệ thắng Ta là 1:1.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, khi tất cả đang đánh xì dách ăn tiền thì bị Công an quận Tân Phú bắt quả tang T giữ tại chiếu bạc 40.100.000 đồng tiền tang.

Tại Cơ quan điều tra **Hồ Thị Cẩm T** khai: Đã sử dụng nhà mình cho các con bạc đến đánh bạc từ 2 đến 3 lần. Vào lúc 10h48 ngày 06/3/2019, T điện thoại cho Nguyễn Thị Phương K qua nhà T tại 1/6 Phạm Quý Thích, phường Tân Quý, quận Tân Phú để làm cái đánh bài xì dách ăn tiền. Đến khoảng 12h30, K qua nhà T làm cái, các con bạc gồm: Trần Kim T, Nguyễn Thị L, Trần Kim T, Trần Thị N, Trần Kim L, Lý Thị H, Trần Thị T, Nguyễn Hồng V. T T tiền xâu của nhà cái từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng tùy vào việc cái thắng nhiều hay thắng ít. Vào ngày 6/3/2019, K đã đưa cho T 300.000 đồng tiền xâu. Ngoài ra, T thừa nhận tổng cộng số tiền xâu T được từ việc cho các đối tượng đánh bạc tại nhà trước đó là 2.000.000 đồng. Ngày 28/3/2019, T tự nguyện giao nộp thêm 1.700.000 đồng.

Nguyễn Thị Phương K khai: Vào khoảng 10h48 ngày 06/3/2019, Hồ Thị Cẩm T điện thoại cho K rủ qua nhà của T để làm cái đánh bài xì dách ăn tiền. K đồng ý. Đến khoảng 12h20 cùng ngày, K mang 100.000.000 đồng đến nhà T. Trong lúc đánh bạc, K để trước mặt trên chiếu bạc 31.500.000 đồng dùng để tính thắng Ta với các con bạc, mỗi ván các con bạc đặt cược từ 200.000 đến 1.000.000 đồng. Tính đến thời điểm bị bắt quả tang K thắng được 4.900.000 đồng, đóng xâu cho T 300.000 đồng. Bị T giữ trên chiếu bạc 36.100.000 đồng tiền chung chi cho các con bạc khi thắng Ta, bị T giữ trong người 68.500.000 đồng K khai không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Nguyễn Hồng V khai: Đã đến nhà T chơi đánh bạc từ 3 đến 4 lần. Vào lúc 13h45 ngày 06/3/2019, V đi bộ qua nhà Hồ Thị Cẩm T đánh bài xì dách ăn tiền, mang theo 2.100.000 đồng và V mượn của Nguyễn Ngọc Hồng (mẹ V) 400.000 đồng, toàn bộ dùng để đánh bạc. Lúc này, V thấy Nguyễn Thị Phương K làm cái đánh bài xì dách ăn tiền cho các con bạc đặt tiền gồm Trần Kim T, Nguyễn Thị L, Trần Kim T, Trần Thị N, Trần Kim L, Lý Thị H, Trần Thị T. V đặt cược 500.000 đồng/ván, chơi được khoảng 4 ván thắng được 2.000.000 đồng. Khi đang đặt ván thứ 5 số tiền 500.000 đồng thì bị bắt quả tang, T giữ trên chiếu bạc 500.000 đồng và 4.000.000 đồng trong người dùng để đánh bạc.

Lý Thị H khai: Vào lúc 11h45 ngày 06/3/2019, H đến giao hàng ở hẻm Phạm Quý Thích thì thấy nhà của T đang đánh bài xì dách ăn tiền nên tham gia. H mang theo 10.000.000 đồng, trong đó 2.000.000 đồng dùng đánh bạc. Mỗi ván đặt 500.000 đồng, thắng được 2.000.000 đồng. Khi đang đặt 2 tụ mỗi tụ 500.000 thì bị bắt quả tang, T giữ 1.000.000 đồng tiền tang và 3.000.000 đồng trong người dùng để đánh bạc.

Nguyễn Thị L khai: Vào lúc 12h30 ngày 6/3/2019, L đi Nng qua nhà T thì thấy tổ chức đánh bài xì dách ăn tiền nên tham gia. L mang theo 3.800.000 đồng dùng để đánh bạc, đặt chung tụ với Trần Thị N 1 tụ 500.000 đồng (L 300.000 đồng, N 200.000 đồng), tham gia được 5 ván, Ta 300.000 đồng. Khi bị bắt quả tang T giữ 300.000 đồng tiền tang và 3.200.000 đồng trong người dùng đánh bạc.

Trần Kim L khai: Vào lúc 12h30 ngày 06/3/2019, L đi đến nhà T thấy tổ chức đánh bạc xì dách ăn tiền nên tham gia đánh bạc. L mang theo số tiền là 33.000.000 đồng, lấy 13.000.000 đồng để đánh bạc, mỗi ván đặt 500.000 đồng, chơi nhiều ván Ta 6.500.000 đồng. Khi bị bắt quả tang T giữ 500.000 đồng tiền tang, 6.000.000 đồng trong người dùng đánh bạc.

Trần Kim T khai: Vào lúc 11h ngày 06/3/2019, T biết nhà T có đánh bài xì dách ăn tiền nên mang theo 13.000.000 đồng, lấy 3.000.000 đồng để đánh bạc, mỗi ván đặt 500.000 đồng, T tham gia chơi 2 ván Ta 1.000.000 đồng. Khi bị bắt quả tang T 500.000 đồng tiền tang, 1.500.000 đồng trong người dùng đánh bạc.

Trần Kim T khai: Vào lúc 12h ngày 06/3/2019, mang theo 10.000.000 đồng đến nhà T, thấy có đánh bài xì dách ăn tiền nên tham gia, T sử dụng 7.000.000 đồng để đánh bạc, mỗi ván đặt 500.000, tham gia chơi nhiều ván

thắng được 500.000 đồng. Khi bị bắt quả tang T giữ 500.000 đồng tiền tang, 7.000.000 đồng trong người dùng đánh bạc.

Trần Thị N khai: Vào lúc 12h30 ngày 06/3/2019, mang theo 3.600.000 đồng đến nhà T để đánh bạc, do quy định đặt cược tiền 01 tụ là 500.000 đồng nên chung tụ với Nguyễn Thị L (L đặt 300.000 đồng, N đặt 200.000 đồng), chơi 5 ván, Ta 1.000.000 đồng. Khi bị bắt quả tang T giữ 200.000 đồng tiền tang, 2.400.000 đồng trong người dùng để đánh bạc.

Trần Thị T khai: Vào lúc 12h30 ngày 06/3/2019, T mang theo 5.000.000 đồng đến nhà T, thấy có đánh bài xì dách ăn tiền nên bỏ ra 2.000.000 đồng để đánh bạc, mỗi ván đặt 500.000 đồng, tham gia được 4 ván, thắng được 500.000 đồng. Khi bị bắt quả tang T giữ 500.000 đồng tiền tang, 2.000.000 đồng trong người dùng để đánh bạc.

Ngoài ra Cơ quan điều tra còn làm việc với bà Nguyễn Ngọc Hồng: Vào lúc 12h30 ngày 06/3/2019, Hồng đến nhà T đánh bài xì dách ăn tiền. Khi đi Hồng mang theo 12.600.000 đồng, Hồng sử dụng 1.600.000 đồng để tham gia đánh bạc, chơi 8 ván mỗi ván đặt 200.000 đồng. Hồng Ta số tiền 1.600.000 đồng. Sau đó, Hồng nghỉ không tham gia và vì thấy con gái là Nguyễn Hồng V đến tham gia đánh bạc.

Căn cứ Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì tổng số tiền dùng để đánh bạc xóc đĩa là: 40.100.000 đồng (tiền tang) + 300.000 đồng (tiền xâu T của T) + 4.000.000 đồng (T giữ của V dùng đánh bạc) + 3.000.000 đồng (T giữ của H dùng đánh bạc) + 3.200.000 đồng (T giữ của Thị L dùng đánh bạc) + 6.000.000 đồng (T giữ của Kim L dùng đánh bạc) + 1.500.000 đồng (T giữ của T dùng đánh bạc) + 7.000.000 đồng (T giữ của T dùng đánh bạc) + 2.400.000 đồng (T giữ của N dùng đánh bạc) + 2.000.000 đồng (T giữ của T dùng đánh bạc) = 69.500.000 đồng.

Vật chứng:

+ 01 đĩa nhựa; 01 tấm nệm trải màu xanh, có hoa văn, kích thước 1,5 x2m; 01 bộ bài tây 52 lá qua sử dụng; 03 bộ bài tây chưa qua sử dụng. Đây là các công cụ dùng để chơi xì dách ăn tiền, do Hồ Thị Cẩm T chuẩn bị.

+ Tiền T tại chiếu bạc: 40.100.000 đồng, cụ thể: 500.000 đồng (Trần Kim T), 300.000 đồng (Nguyễn Thị L), 500.000 đồng (Trần Kim T), 200.000 đồng (Trần Thị N), 500.000 đồng (Trần Kim L), 1.000.000 đồng (Lý Thị H), 500.000

đồng (Trần Thị T), 500.000 đồng (Nguyễn Hồng V), 36.100.000 đồng (Nguyễn Thị Phương K)

1. T giữ của Hồ Thị Cẩm T:

- Tiền mặt 12.300.000 đồng trong đó 300.000 đồng tiền xâu do K đưa, còn 12.000.000 đồng không dùng vào mục đích đánh bạc
- 01 điện thoại di động Samsung J2 dùng để L lạc gọi K qua đánh bạc.

2. T giữ của Nguyễn Thị Phương K:

- Tiền Việt Nam 68.500.000 đồng không dùng để đánh bạc.
- 01 điện thoại di động Nokia 230 dùng để L lạc với T đến đánh bạc.

3. T giữ của Nguyễn Hồng V:

- Tiền Việt Nam 4.000.000 đồng dùng để đánh bạc.
- 01 điện thoại di động Iphone XS Max 512 Gb màu vàng đồng sử dụng vào mục đích cá nhân.

4. T giữ của Lý Thị H:

- 01 (một) điện thoại di động Iphone XR màu đen sử dụng L lạc cá nhân.
- Tiền mặt 11.000.000 đồng, trong đó 3.000.000 đồng dùng để đánh bạc, 8.000.000 đồng không dùng vào mục đích đánh bạc.
- 01 xe gắn máy SH mode màu trắng, biển số 59V2-904.29. Qua xác minh chủ xe là Lê Duy, vào ngày 06/3/2019 có cho H mượn sử dụng nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông Duy.

5. T giữ của Nguyễn Thị L:

- 01 điện thoại di động Samsung sử dụng L lạc cá nhân.
- Tiền Việt Nam 3.200.000 đồng dùng để đánh bạc.

6. T giữ của Trần Kim L:

- Tiền Việt Nam 26.000.000 đồng trong đó 6.000.000 đồng dùng để đánh bạc, 20.000.000 đồng sử dụng vào mục đích cá nhân
- 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng sử dụng L lạc cá nhân.

7. T giữ của Trần Kim T:

- Tiền Việt Nam 11.500.000 đồng, trong đó 1.500.000 đồng dùng để đánh bạc, 10.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

8. T giữ của Trần Kim T:

- 01 điện thoại di động Nokia C3 màu đen dùng L lạc cá nhân
- Tiền mặt 10.000.000 đồng trong đó 7.000.000 đồng dùng để đánh bạc, còn 3.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

9. T giữ của Trần Thị N:

- 01 điện thoại Lumia màu xanh dùng L lạc cá nhân
- Tiền mặt 2.400.000 đồng dùng để đánh bạc.

10.T giữ của Trần Thị T:

- 01 điện thoại Nokia 150 màu đen sử dụng L lạc cá nhân
- Tiền mặt 5.000.000 đồng trong đó 2.000.000 đồng sử dụng đánh bạc, còn 3.000.000 đồng tiêu xài cá nhân

11. T giữ của Nguyễn Ngọc Hồng:

- 01 điện thoại di động Oppo sử dụng L lạc cá nhân; 10.600.000 đồng không sử dụng vào mục đích đánh bạc, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Hồng.

Tại bản cáo trạng số 162 /CT-VKS ngày 29 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú đã truy tố bị cáo Lý Thị H, Nguyễn Thị Phương K, Trần Kim L, Nguyễn Thị L, Trần Thị N, Trần Kim T, Trần Kim T, Trần Thị T, Nguyễn Hồng V đã phạm tội “Đánh bạc” Điểm b Khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 và Hồ Thị Cẩm T về tội “gá bạc ” điểm c Khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015

Tại phiên Tòa:

- Bị cáo N khai ngày hôm đó là lễ Tro 6/3 bên đạo Thiên chúa sau khi cầu kinh xong mấy chị em ruột lâu lâu mới gặp nhau bình thường mọi người đi làm ít khi tụ họp đông đủ nên rủ nhau vào nhà chị Trần Kim Liễu ngồi chơi có cháu dâu T ở nhà trông con nên cùng nhau đánh bài.

- Bị cáo T khai mục đích là giúp mấy Dì ruột của mẹ chồng (Trần Kim Liễu) chơi cho vui chứ thực ra không nghĩ là mục đích để lấy tiền còn người nào cầm cái thì cho bị cáo 300.000 đồng bị cáo mua mấy bộ bài và Ca trà đá để cho mấy Dì uống, khi bị cáo gọi chị K thì chị bận đến 12 giờ thì chị K mới qua. Những lần trước bị cáo không nhớ những ai tham gia, chơi thời gian nào đánh bạc như thế nào do bị cáo bận trông con và nấu ăn.

- Bị cáo H khai bị cáo quen với bị cáo T ngày hôm đó lên giao hàng để cho chị em T gắn phụ kiện quần áo(gắn cúc, may lô gô,...) và giao hàng cho khách nên thấy chơi thì vào góp vui và từ trước giờ chưa đánh bài với chị em T.

- Bị cáo K khai bị cáo ngày hôm đó mang tiền đi đóng hụi khi T gọi bị cáo đang bận việc sau đó mới ghé qua chơi thì bị bắt.

- Bị cáo L khai ngày hôm đó bị cáo T gọi bị cáo qua làm tóc tại nhà chị T sau khi làm xong thì thấy mọi người chơi vui nên đặt ké mấy ván thì bị bắt có các bị cáo đây làm chứng.

- Bị cáo T khai chị N khai đúng, bị cáo và chị H là bạn thân giao hàng hóa quần áo để gắn phụ kiện để làm việc, bữa đó chỉ chơi trong gia đình cho vui.

- Bị cáo T khai bị cáo sống với em gái T, bị cáo già hay bệnh tật không làm việc được chỉ ở nhà phụ cơm nước, chủ yếu T làm nuôi bị cáo, khi chơi bị cáo không có tiền số tiền đó là dịp tết các em lì xì tết nên chơi chút cho vui chứ mất giờ yếu nên không nhìn rõ.

- Bị cáo T khai bị cáo sống chị T vì cả hai không lập gia đình nên nương tựa vào nhau để sống còn các anh chỉ có gia đình riêng, bị cáo và chị làm Tê mướn phụ việc nhà theo giờ để sống qua ngày chứ không có dư. Khi chơi chỉ chơi góp vui trong gia đình.

- Bị cáo V khai: Chỉ qua qua tìm mẹ mượn tiền mua đồ thất vui nên tham gia chơi được hai ba ván bài thì bị bắt, không sử dụng tiền của mẹ để đánh bạc.

- Sau khi kết thúc phần thủ tục xét hỏi, Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa, phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt các bị cáo: Lý Thị H, Nguyễn Thị Phương K, Trần Kim L, Nguyễn Thị L, Trần Thị N, Trần Kim T, Trần Kim T, Trần Thị T, Nguyễn Hồng V về tội “Đánh bạc” 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 5 năm.

Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 322, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt Hồ Thị Cẩm T về tội “gá bạc ” từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

- Các bị cáo nhận tội không có oan sai, không có ý kiến tranh luận, xin hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng án treo để tiếp tục về kiếm tiền chăm sóc nuôi các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các tài liệu

chứng cứ khác được T thập có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã có đủ cơ sở để xác định các bị cáo đã có hành vi đánh bạc cụ thể: Khoảng 14 giờ, ngày 06/3/2019, Hồ Thị Cẩm T sử dụng nhà của mình tại 1/6 Phạm Quý Thích, phường Tân Quý, quận Tân Phú cho các bị cáo Nguyễn Thị Phương K, Trần Kim T, Nguyễn Thị L, Trần Kim T, Trần Thị N, Trần Kim L, Lý Thị H, Trần Thị T, Nguyễn Hồng V để đánh bạc dưới hình thức đánh bài xì dách ăn tiền có T tiền xâu và bị bắt quả tang với tổng số tiền đánh bạc và tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 69.500.000 đồng.

Vì vậy đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Lý Thị H, Nguyễn Thị Phương K, Trần Kim L, Nguyễn Thị L, Trần Thị N, Trần Kim T, Trần Kim T, Trần Thị T, Nguyễn Hồng V đã phạm tội “Đánh bạc” theo Điểm b Khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, như bản cáo trạng đã truy tố là có cơ sở, đúng pháp luật.

Hồ Thị Cẩm T sử dụng nhà của mình tại 1/6 Phạm Quý Thích, phường Tân Quý, quận Tân Phú cho các bị cáo và gọi bị cáo K đến để làm đánh bạc và T tiền xâu cụ thể K đã đưa cho T 300.000 đồng tiền xâu. Ngoài ra, T thừa nhận tổng cộng số tiền xâu T được từ việc cho các đối tượng đánh bạc tại nhà trước đó là 2.000.000 đồng. do đó bị cáo T đã phạm tội gá bạc điểm c Khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015, như bản cáo trạng đã truy tố là có cơ sở, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng gây mất trật tự trị an tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến sinh hoạt hàng ngày của nhiều gia đình, cá nhân. Ngoài ra nó còn là nguyên nhân có thể gây ra các loại tội phạm khác. Bản thân các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc và gá bạc bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi cá nhân các bị cáo vẫn cố ý phạm tội.

Đây là vụ án có nhiều người tham gia, các bị cáo cùng thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội không có người cầm đầu không có người tổ chức. Số tiền các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm 69.500.000 đồng.

Xét, tính chất mức độ hành vi phạm tội đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức án tương xứng với hành vi và mức tiền tham gia đánh bạc mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về nhân thân:

Tuy nhiên cũng xem xét cả 9 bị cáo phạm tội lần đầu; có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo là 5 chị em ruột trong gia đình, 01 cháu dâu và hàng xóm láng giềng chỉ chơi mang tính nhất thời khi có dịp vui như tết, lễ Tro của đạo thiên chúa, 02 bị cáo H và V có con dưới 36 tháng tuổi, 01 bị cáo T là người cao tuổi, bị cáo K

là lao động chính nuôi gia đình và bố mẹ già 70 tuổi, gia đình khó khăn và nuôi các con ăn học, bị cáo T lao động chính làm Tê, làm mướn để nuôi chị T vì cả hai không có chồng con nên nương tựa vào nhau để sống, bị cáo Nguyễn Thị L làm nghề uốn tóc gia đình có hoàn cảnh khó khăn Tê mất bằng để mở tiệm uốn tóc và để ở là lao động chính để nuôi gia đình chồng bị tai nạn ở nhà không đi làm được các con đang đi học, bị cáo T làm Tê gắn phụ kiện quần áo có hoàn cảnh khó khăn là lao động chính để nuôi gia đình các con đang đi học, bị cáo N có hoàn cảnh gia đình khó khăn chồng bỏ đi không hỗ trợ nuôi con là lao động chính để nuôi 03 con đang đi học, bị cáo Kim L bị bệnh tiểu đường type 2 gia đình có hoàn cảnh khó khăn, làm công nhật phụ việc nhà tính theo giờ là lao động chính để nuôi gia đình con đang đi học. Nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo quy định tại Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Ngoài ra các bị cáo là lao động chính để nuôi gia đình, 6 người là anh chị em ruột và cháu ruột, còn lại hàng hàng xóm chơi chung với nhau chỉ chơi đánh bài do lúc rảnh có dịp gặp mặt nhau nên mang tính chất nhất thời phạm tội, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Các bị cáo nêu trên không Tộc các điều cấm không được cho hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Xét nên cho các bị cáo được hưởng án treo để thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước, do đó cần áp dụng thêm điều 65 Bộ luật hình sự.

Riêng bị cáo T trước khi có kết luận điều tra đã tự nguyện nộp lại 1.700.000 đồng tiền T lợi bất chính từ trước đến nay và bị cáo chỉ dùng số tiền đó mua nước trà đá uống và 4 bộ bài và mục đích chính không phải để T tiền xâu, nên áp dụng Điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và T sử dụng nhà của mình tại 1/6 Phạm Quý Thích, phường Tân Quý, quận Tân Phú cho các bị cáo là Dì chơi và gọi bị cáo K đến để đánh bạc và K cho đã đưa cho T 300.000 đồng chứ bị cáo không đòi hỏi số tiền nhất định, cho bao nhiêu lấy bấy nhiêu. Phạm tội lần đầu; có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, mục đích cũng chỉ muốn góp vui cho các người thân là Dì trong gia đình nên xét áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ răn đe giáo dục bị cáo.

Đối với bị cáo K xét về tính chất là người làm cái nên cần phạt bổ sung 20.000.000 đồng ngoài hình phạt chính.

[4] Đối với tiền đánh bạc T tại chiều bạc là trong đó 40.100.000 đồng cụ thể: 500.000 đồng (Trần Kim T), 300.000 đồng (Nguyễn Thị L), 500.000 đồng (Trần Kim T), 200.000 đồng (Trần Thị N), 500.000 đồng (Trần Kim L), 1.000.000 đồng (Lý Thị H), 500.000 đồng (Trần Thị T), 500.000 đồng (Nguyễn Hồng V), 36.100.000 đồng (Nguyễn Thị Phương K), xét nên tịch T sung công quỹ nhà nước.

Đối với Nguyễn Ngọc Hồng có hành vi đánh bạc, khi Cơ quan Công an bắt quả tang thì Hồng đã nghỉ, không tham gia đánh bạc. Do vậy, Công an quận

Tân Phú ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Hồng số tiền 1.500.000 đồng theo điểm a khoản 2 điều 26 Nghị định 167/2013 về hành vi "Đánh bạc trái phép". Nên không xem xét thêm.

[5] Về xử lý vật chứng.

+ 01 đĩa nhựa; 01 tấm nệm trải màu xanh, có hoa văn, kích thước 1,5 x2m; 01 bộ bài tây 52 lá qua sử dụng; 03 bộ bài tây chưa qua sử dụng. Đây là các dụng cụ dùng để chơi xì dách ăn tiền, xét tịch T tiêu hủy.

1. T giữ của Hồ Thị Cẩm T:

- Tiền mặt 12.300.000 đồng trong đó 300.000 đồng tiền râu do K đưa, còn 12.000.000 đồng không dùng vào mục đích đánh bạc. Ngày 16/11/2019 bị cáo T nộp thêm 1.700.000 đồng để khắc phục hậu quả, theo Phiếu nhập kho vật chứng số 267/PNK ngày 06/11/2019 tại kho vật chứng Công an quận Tân Phú). Tịch T sung công 2.000.000 đồng. Tiếp tục tạm giữ 12.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- 01 điện thoại di động Samsung J2 dùng để L lạc gọi K qua đánh bạc. Xét nên tịch T sung công vì sử dụng vào mục đích phạm tội.

2. T giữ của Nguyễn Thị Phương K:

- Tiền Việt Nam 68.500.000 đồng không dùng để đánh bạc. Xét trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên tiếp tục tạm giữ 20.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- 01 điện thoại di động Nokia 230 dùng để L lạc với T đến đánh bạc. Xét nên tịch T sung công vì sử dụng vào mục đích phạm tội.

3. T giữ của Nguyễn Hồng V:

- Tiền Việt Nam 4.000.000 đồng dùng để đánh bạc. Xét tịch T sung công quỹ nhà nước.

- 01 điện thoại di động Iphone XS Max 512 Gb màu vàng đồng sử dụng vào mục đích cá nhân, xét nên trả lại cho bị cáo.

4.T giữ của Lý Thị H:

- 01 (một) điện thoại di động Iphone XR màu đen sử dụng L lạc cá nhân.

- Tiền mặt 11.000.000 đồng, trong đó 3.000.000 đồng dùng để đánh bạc, Xét tịch T sung công quỹ nhà nước. Còn 8.000.000 đồng không dùng vào mục đích đánh bạc xét trả lại cho bị cáo

-01 xe gắn máy SH mode màu trắng, biển số 59V2-904.29. Qua xác minh chủ xe là Lê Duy, vào ngày 06/3/2019 có cho H mượn sử dụng nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông Duy. Nên không xem xét thêm.

5. T giữ của Nguyễn Thị L:

- 01 điện thoại di động Samsung sử dụng L lạc cá nhân, xét trả lại cho bị cáo.
- Tiền Việt Nam 3.200.000 đồng dùng để đánh bạc. Xét tịch T sung công quỹ nhà nước.

6. T giữ của Trần Kim L:

- Tiền Việt Nam 26.000.000 đồng trong đó 6.000.000 đồng dùng để đánh bạc Xét tịch T sung công quỹ nhà nước, còn 20.000.000 đồng sử dụng vào mục đích cá nhân xét nên trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng sử dụng L lạc cá nhân, xét nên trả lại cho bị cáo.

7. T giữ của Trần Kim T:

- Tiền Việt Nam 11.500.000 đồng, trong đó 1.500.000 đồng dùng để đánh bạc, xét tịch T sung công quỹ nhà nước. Còn 10.000.000 đồng tiêu xài cá nhân xét nên trả lại cho bị cáo.

8. T giữ của Trần Kim T:

- 01 điện thoại di động Nokia C3 màu đen dùng L lạc cá nhân, xét nên trả lại cho bị cáo.

- Tiền mặt 10.000.000 đồng, trong đó 7.000.000 đồng dùng để đánh bạc, xét tịch T sung công quỹ nhà nước, còn 3.000.000 đồng tiêu xài cá nhân xét nên trả lại cho bị cáo.

9. T giữ của Trần Thị N:

- 01 điện thoại Lumia màu xanh dùng L lạc cá nhân, xét nên trả lại cho bị cáo.

- Tiền mặt 2.400.000 đồng dùng để đánh bạc. xét tịch T sung công quỹ nhà nước

10. T giữ của Trần Thị T:

- 01 điện thoại Nokia 150 màu đen sử dụng L lạc cá nhân, xét nên trả lại cho bị cáo.

- Tiền mặt 5.000.000 đồng, trong đó 2.000.000 đồng sử dụng đánh bạc xét tịch T sung công quỹ nhà nước, còn 3.000.000 đồng tiêu xài cá nhân xét nên trả lại cho bị cáo.

11. T giữ của Nguyễn Ngọc Hồng:

- 01 điện thoại di động Oppo sử dụng L lạc cá nhân; 10.600.000 đồng không sử dụng vào mục đích đánh bạc, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Hồng. Nên không xem xét thêm.

[6] Án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố bị cáo Lý Thị H, Nguyễn Thị Phương K, Trần Kim L, Nguyễn Thị L, Trần Thị N, Trần Kim T, Trần Kim T, Trần Thị T, Nguyễn Hồng V phạm tội:"Đánh bạc"; bị cáo Hồ Thị Cẩm T phạm tội “gá bạc”.

1.1. Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương K 03(ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Phương K về Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền Nguyễn Thị Phương K 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

1.2. Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Kim L 03(ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Kim L về Ủy ban nhân dân Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

1.3. Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Kim T 03(ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Kim T về Ủy ban nhân dân Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

1.4. Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Kim T 03(ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Kim T về Ủy ban nhân dân Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

1.5. Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thị N 03(ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị N về Ủy ban nhân dân Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

1.6. Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thị T 03(ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị T về Ủy ban nhân dân Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

1.7. Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng V 03(ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hồng V về Ủy ban nhân dân Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

1.8. Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 03(ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị L về Ủy ban nhân dân Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

1.9. Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lý Thị H 03(ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lý Thị H về Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cụ thể như sau: “Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

1.10. Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 322, Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử: Phạt tiền Hồ Thị Cẩm T 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

[2] Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch T sung công 40.100.000 đồng(bốn mươi triệu một trăm ngàn đồng) tiền T tại chiếu bạc.

- Tịch T tiêu hủy gồm: 01 đĩa nhựa hình T đường kính 15cm; 01(một) tấm nệm màu xanh, bên trên có in hình bông hoa, kích thước 1,5 x2mét; 04 (bốn) bộ bài tây 52 lá.

- Tịch T 2.000.000 đồng của Hồ Thị Cẩm T. Tạm giữ số tiền 12.000.000 đồng của Hồ Thị Cẩm T để đảm bảo thi hành án.(Khi bị cáo T thi hành án xong các khoản tiền thì trả lại cho bị cáo số tiền 12.000.000 đồng, hoặc cơ quan thi hành án được quyền cản trừ theo luật Thi hành án dân sự).

- Tịch T sung công 01 Điện thoại di động SamSung Galaxy J2, số Imei:357623086465067.

- Tạm giữ số tiền 68.500.000 đồng của Nguyễn Thị Phương K để đảm bảo thi hành án.(Khi bị cáo K thi hành án xong các khoản tiền thì trả lại cho bị cáo số tiền 68.500.000 đồng, hoặc cơ quan thi hành án được quyền cản trừ theo luật Thi hành án dân sự và trả lại cho bị cáo K phần còn lại).

- Tịch T sung công 01 Điện thoại di động Nokia 230, số Imei: 357318081187119.

- Tịch T sung công quỹ nhà nước 4.000.000 đồng của Nguyễn Hồng V

- Trả cho bị cáo Nguyễn Hồng V Điện thoại di động Iphone XS Max, số Imei: 357272093112088.

- Trả cho bị cáo Lý Thị H 01 Điện thoại di động Iphone XR, số Imei: 357352092632508 và 8.000.000 đồng(VND).

- Tịch T sung công quỹ nhà nước 3.000.000 đồng của Lý Thị H,

- Trả cho bị cáo Nguyễn Thị L Điện thoại di động SamSung, số Imei: 356458090529371.

- Tịch T sung công quỹ nhà nước 3.200.000 đồng của Nguyễn Thị L.

- Tịch T sung công quỹ nhà nước 6.000.000 đồng của Trần Kim L .

- Trả cho bị cáo cho Trần Kim L 01 Điện thoại di động Iphone 5, số Imei: 355677074150448 và 20.000.000 đồng

- Tịch T sung công quỹ nhà nước 1.500.000 đồng của Trần Kim T.

- Trả cho bị cáo cho Trần Kim T 10.000.000 đồng .

- Trả cho bị cáo cho Trần Kim T 01 Điện thoại di động Nokia C3, số Imei: 359066040522169 và 3.000.000 đồng

- Tịch T sung công quỹ nhà nước 7.000.000 đồng của Trần Kim T.

- Trả cho bị cáo cho Trần Thị N 01 Điện thoại di động Lumia, số Imei: 355741069250108.

- Tịch T sung công quỹ nhà nước 2.400.000 đồng của Trần Thị N.

- Trả cho bị cáo cho Trần Thị T Điện thoại di động Nokia 150, số Imei:356956092364549 và 3.000.000 đồng.

- Tịch T sung công quỹ nhà nước 2.000.000 đồng của Trần Thị T.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 114/PNK ngày tháng 03 năm 2018 và Phiếu nhập kho vật chứng số 267/PNK ngày 06/11/2019 tại kho vật chứng Công an quận Tân Phú).

[3] Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Lý Thị H, Nguyễn Thị Phương K, Trần Kim L, Nguyễn Thị L, Trần Thị N, Trần Kim T, Trần Kim T, Trần Thị T, Nguyễn Hồng V và Hồ Thị Cẩm T phải nộp mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

(Đã giải thích quy định án treo cho các bị cáo)

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân (3)
- quận Tân Phú;
- Văn phòng Cơ quan CSĐT; (1)
- Sở Tư pháp TPHCM (1)
- Trại giam và Bị cáo; (12)
- Thị hành án dân sự quận (1)
- Tân Phú; (2)
- Thị hành án hình sự; (2)
- Người L quan; (1)
- Lưu, hồ sơ. (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Mỹ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Mỹ